

2.	Tạo nguồn tưới tiêu bằng trọng lực	292.800
3.	Tưới tiêu chủ động một phần	439.200

Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu bằng 30% mức giá nêu trên.

2. Mức giá đối với diện tích đất trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông được tính bằng 40% mức giá đối với diện tích đất trồng lúa.

3. Mức giá đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo bảng sau:

STT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Thu theo biện pháp công trình	
			Trạm bơm	Hồ đập, kênh, cống
1.	Cấp nước cho chăn nuôi	đồng/m ³	1.320	900
2.	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m ³	840	600
		đồng/m ² mặt thoát/năm	250	
3.	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m ³	1.020	840

Trường hợp cấp nước để nuôi trồng thủy sản lợi dụng thủy triều được tính bằng 50% mức giá quy định tại Bảng mức giá đối với cấp nước nêu trên.

Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m³) thì tính theo diện tích (ha), mức giá bằng 80% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm.

4. Tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị (trừ vùng nội thị) mức giá bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ.

5. Giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi quy định trên là giá không có thuế